

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 20-8-2020

V/v “Ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Liên.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nghĩa.
Bà Võ Thị Hồng Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Trường là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định: Bà Võ Thị Lệ Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2020/TLPT-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2020 về việc “Ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn”.

Do bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 45/2019/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện P bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 17/2020/QĐ-PT ngày 13 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hồ Thị L; cư trú tại: Thôn V, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C; cư trú tại: Thôn V, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị Hồ M (Vắng mặt).

2. Chị Nguyễn Thị Hồ T (Vắng mặt).

Đồng trú tại: Thôn V, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của chị M, chị Trúc:

Bà Hồ Thị L; cư trú tại: Thôn V, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định (Theo văn bản ủy quyền ngày 31/7/2020).

- Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn C là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị L và ông Nguyễn Văn C kết hôn ngày 25/01/1988, trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện P, tỉnh Bình Định. Theo bà L, trong thời gian chung sống, vợ chồng bà nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân, do ông C gia trưởng, độc đoán, hay chửi bới, xúc phạm bà và gia đình bà, nhiều lần đánh bà, không cho bà và các con để tang cho mẹ bà. Năm 2015, bà gửi đơn xin ly hôn, nhưng ông C xin lỗi, hứa sẽ thay đổi, nên bà rút đơn. Sau khi bà rút đơn, ông C vẫn không thay đổi, cuộc sống chung nặng nề, căng thẳng, nên bà bỏ vào thành phố Hồ Chí Minh làm thuê, sinh sống từ tháng 5/2018 cho đến nay, hiện nay ông C có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Bà thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn, nên yêu cầu được ly hôn. Còn ông C cho rằng ông là người chuẩn mực, chăm lo đời sống gia đình, nhưng bà L quá hỗn láo, nhiều lúc ông bức tức có đánh bạc tai hoặc vả vào miệng. Bà L hay thách đố ông đánh khi ông bức tức, không nhường nhịn được, nên vợ chồng hay xảy ra kinh cãi, to tiếng. Nếu bà L cương quyết ly hôn, thì ông đồng ý, nếu bà L sửa đổi tính tình thì vợ chồng đoàn tụ nuôi con.

* Về con chung: Bà L ông C thống nhất có 04 con chung là Nguyễn Thị Hồ M, sinh năm 1988; Nguyễn Thị Hồ T, sinh năm 1991; Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1995 và Nguyễn Thị Hồ D, sinh năm 1999. Các cháu đều đã trưởng thành, sống tự lập, nên ông bà không yêu cầu tòa giải quyết.

* Về tài sản chung: Bà L ông C thống nhất tài sản chung vợ chồng có:

- Nhà, đất tại thửa đất số 8, tờ bản đồ số 19, diện tích 2.018,7m² (trong đó: 200m² đất ở, 1.818,7m² đất trồng cây hàng năm) tọa lạc tại thôn V, xã C, huyện P.

- 03 thửa đất trồng lúa: Thửa đất số 388, tờ bản đồ số 20, diện tích 619m² tại thôn V, xã C, huyện P; thửa đất số 765, tờ bản đồ số 13, diện tích 496,2m² tại Đồng Mong Trên, thôn V, xã C, huyện P; thửa đất số 742, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.032,6m² tại Đồng Ruộng Cạn, thôn V, xã C, huyện P.

- Ngoài ra, còn có một số tài sản khác: 01 bộ bàn ghế gỗ (Gồm 01 bàn dài mặt bàn bằng kính, 01 ghế gỗ dài, 03 ghế gỗ nhỏ), 01 máy cày, 01 máy suốt lúa, 03

con bò (01 con bò mẹ màu đỏ, 01 con bò mẹ màu trắng và 01 con nghé con màu đen).

Bà L yêu cầu chia đôi nhà, đất ở, đất vườn của vợ chồng. Bà xin nhận nhà, đất ở phía Nam, ông C nhận nhà, đất phía Bắc, ông bà phải giao lại giá trị chênh lệch đất vườn cho chị Nguyễn Thị Hồ M, Nguyễn Thị Hồ T; đối với đất trồng lúa, bà yêu cầu chia bằng hiện vật cho bà, ông C, chị M, chị T; toàn bộ tài sản còn lại để ông C sở hữu và giao lại cho bà $\frac{1}{2}$ giá trị chênh lệch. Còn ông C thì không đồng ý chia tài sản chung.

* Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị Hồ M trình bày tại bản tự khai ngày 09/5/2019: Thời điểm kê khai quyền sử dụng đất, chị có được Nhà nước chia định suất đất vườn, đất canh tác cùng với hộ gia đình cha mẹ chị là ông Nguyễn Văn C và bà Hồ Thị L. Nếu cha mẹ chị ly hôn, chị yêu cầu Tòa án phân chia phần định suất đất vườn, đất canh tác cho chị theo quy định của pháp luật.

2. Chị Nguyễn Thị Hồ T trình bày tại bản tự khai ngày 09/5/2019: Thời điểm kê khai giao quyền sử dụng đất, chị có được Nhà nước chia định suất đất vườn, đất canh tác cùng với hộ gia đình cha mẹ chị là ông Nguyễn Văn C và bà Hồ Thị L. Nếu cha mẹ chị ly hôn, chị yêu cầu Tòa án phân chia phần định suất đất vườn, đất canh tác cho chị theo quy định của pháp luật.

Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2019/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Pã quyết định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị L, cho bà L được ly hôn ông Nguyễn Văn C.

2. Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu phân chia tài sản của bà Hồ Thị L.

2.1. Về đất và nhà ở:

- Giao cho bà Hồ Thị L sử dụng phần đất ở, đất vườn, sở hữu nhà ở thuộc phần đất phía Nam thửa đất số 08, tờ bản đồ số 19; tọa lạc tại thôn V, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định. Trong đó, có 100m² đất ở; 860,8 m² đất vườn (đất trồng cây lâu năm) và 52,1 m² nhà ở (trong đó có phần điện thấp sáng).

- Giao cho ông Nguyễn Văn C sử dụng đất ở, đất vườn, sở hữu nhà ở thuộc phần đất phía Bắc thửa đất số 08, tờ bản đồ số 19; tọa lạc tại thôn V, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định. Diện tích: 1057,9 m², trong đó, 957,9 m² đất vườn (đất trồng cây lâu năm) và 42,4 m² diện tích nhà ở (trong đó có phần điện thấp sáng) và 100m² đất ở.

2.2. Về đất ruộng lúa:

- Giao cho ông Nguyễn Văn C sử dụng, canh tác 619 m² đất ruộng lúa, thuộc thửa đất số 388, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại thôn V, xã C, huyện P.

- Giao cho bà Hồ Thị L sử dụng, canh tác 496,2 m² đất ruộng lúa, thuộc thửa đất số 765, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại thôn V, xã C, huyện P.

- Giao cho chị Nguyễn Thị Hồ M và Nguyễn Thị Hồ Trúc, mỗi người sử dụng, canh tác 516,3 m² đất ruộng lúa, cùng chung số thửa 742, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại thôn V, xã C, huyện P.

2.3. Về 03 con bò: Có 02 con bò lớn, trong đó 01 con màu lông đỏ, 01 con màu lông trắng và 01 con bò nghé, tổng giá trị 28.000.000 đồng. Giao cho ông C tiếp tục quản lý, sở hữu và có trách nhiệm thôi lại cho bà Hồ Thị L 14.000.000 đồng.

2.4. Về dụng cụ nông nghiệp và bộ bàn ghế gỗ: Giao cho ông C sở hữu, sử dụng 01 máy cày ruộng, 01 máy suốt lúa, 01 bộ bàn ghế bằng gỗ gồm 01 ghế gỗ dài và 03 ghế gỗ đơn và thôi lại cho bà L 13.500.000 đồng.

Như vậy, ông Nguyễn Văn C phải có trách nhiệm thôi cho bà Hồ Thị L toàn bộ số tiền chênh lệch về tài sản là 28.874.220 đồng.

2.5. Về số tiền giá trị phân chia định suất đất vườn:

- Ông Nguyễn Văn C phải giao cho chị Nguyễn Thị Hồ M số tiền định suất đất vườn là 25.234.463 đồng và giao cho chị Nguyễn Thị Hồ T số tiền định suất đất vườn là 2.694.524 đồng.

- Bà Hồ Thị L phải giao cho chị Nguyễn Thị Hồ T số tiền định suất đất vườn là 22.539.370 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, án phí dân sự phân chia tài sản, chi phí định giá tài sản, đo đạc đất đai và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019, bị đơn ông Nguyễn Văn C kháng cáo không đồng ý ly hôn. Nếu tòa giải quyết cho ly hôn, ông yêu cầu chia lại tài sản chung của vợ chồng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng và đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn C yêu cầu bác đơn ly hôn của bà Hồ Thị L, giữ nguyên bản án sơ thẩm về việc cho bà L được ly hôn ông C. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn C về chia tài sản chung, hủy một phần bản án sơ thẩm về

chia tài sản chung và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn C kháng cáo yêu cầu bác đơn ly hôn của bà Hồ Thị L, nhưng bà L không đồng ý. Thấy rằng: Ông C bà L đăng ký kết hôn ngày 25 tháng 01 năm 1988, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống nên thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn, ông nóng nảy, thiếu kiềm chế, đôi khi có chửi, đánh bà. Năm 2015, bà khởi kiện yêu cầu ly hôn ông, nhưng sau đó bà đã rút đơn khởi kiện. Kể từ ngày rút đơn, cuộc sống chung của ông bà vẫn không thay đổi, mâu thuẫn ngày càng gay gắt và sống ly thân từ tháng 5/2018 cho đến nay. Mặc dù Tòa vẫn kiên trì hòa giải, nhưng bà L vẫn kiên quyết xin ly hôn vì cho rằng vợ chồng mâu thuẫn và sống ly thân đã lâu, tình cảm, trách nhiệm vợ chồng không còn. Như vậy, tình trạng hôn nhân của ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn C, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần này.

[2] Về tài sản chung: Xét kháng cáo của ông C về yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Tại phiên tòa phúc thẩm, ông C bà L khai ngoài phần xây dựng nhà gắn liền với đất tại thửa đất số 8, tờ bản đồ số 19, diện tích 2.018,7m² (trong đó: 200m² đất ở; 1.818,7m² đất vườn) tọa lạc tại thôn V, xã C, huyện P. Tài sản trên thửa đất này còn có 01 giếng nước, 01 chuồng bò, 01 chuồng heo, 01 cây xoài có trái, có khoảng 08 đến 12 cây dừa và yêu cầu Tòa giải quyết những tài sản này, nhưng những tài sản này, chưa được Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ để làm rõ.

- Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm ông C bà L thống nhất thời gian vợ chồng chung sống, có thuê ruộng khoán của Ủy ban nhân dân xã C và hàng năm ông bà đều phải trả tiền thuê. Theo ông C vợ chồng ông còn nợ Ủy ban nhân dân xã C khoảng 5.000.000 đồng, yêu cầu bà L chung nghĩa vụ trả nợ, nhưng bà L không đồng ý. Lẽ ra, khi giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng, Tòa án cấp sơ thẩm phải hỏi đương sự về khoản nợ chung của vợ chồng phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, làm việc với Ủy ban nhân dân xã C để xác định có khoản nợ này không? Nếu có, thì hỏi Ủy ban nhân dân xã C có yêu cầu đòi với khoản nợ này không? Nếu có yêu cầu thì đưa Ủy ban nhân dân xã C tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm sơ thẩm có thiếu sót: Xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Hồ M, Nguyễn Thị Hồ T (Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án), nhưng không giao bản án sơ thẩm cho chị Trúc, chị M; chia phần xây dựng nhà gắn liền với đất ở, đất vườn tại thửa đất số 8, tờ bản đồ số 19, diện tích 2.018,7m² (trong đó: 200m² đất ở, 1.818,7m² đất vườn) tọa lạc tại thôn V, xã C, huyện P cho bà L ông C nhận hiện vật, chị M, chị T nhận giá trị phần đất vườn, nhưng không theo giá thị trường là không đúng quy định của pháp luật, nên cần phải rút kinh nghiệm.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã bỏ sót người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ chưa được thực hiện đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được, nên hủy một phần bản án sơ thẩm về chia tài sản chung và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện P giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27, khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV thì bà Hồ Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, ông Nguyễn Văn C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn C yêu cầu bác đơn ly hôn của bà Hồ Thị L, giữ nguyên bản án sơ thẩm về việc cho bà L được ly hôn ông C. Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Nguyễn Văn C về chia tài sản chung, hủy một phần bản án sơ thẩm về chia tài sản chung và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27, khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV. Tuyên xử:

1. Giữ nguyên bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 45/2019/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện P về quan hệ hôn nhân, chấp nhận yêu cầu của bà Hồ Thị L xin được ly hôn ông Nguyễn Văn C.

2. Hủy một phần bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 45/2019/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện P về chia tài sản chung, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện P giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn: Bà Hồ Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ 300.000 đồng bà đã nộp theo biên lai thu số 0004243 ngày 26/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Cát, bà L đã nộp đủ.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn C không phải chịu, hoàn trả lại ông C 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007262 ngày 05 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Cát.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện P;
- Chi cục THA dân sự huyện P;
- Các bên đương sự;
- Lưu: HS, Tòa GD&NCTN.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ' PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thúy Liên

